

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 155/2024/TLST - DS ngày 24 tháng 7 năm 2024;

Căn cứ vào Đơn đề nghị của các đương sự về việc đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành ngày 24/9/2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành và ngày tổng đạt hợp lệ biên bản hoà giải thành cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần M2 (sau đây gọi tắt là Công ty M2). Trụ sở: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Công T** – Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Cao Duy T1, chức vụ: Trưởng phòng XLN Miền Bắc. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Trần Huy H, ông Trường Quang M, ông Nguyễn Duy L.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Xuân N**, sinh năm 1985 và chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1987. Điều cư trú tại: Đ Khu I, thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Bùi Văn L1, sinh năm 1955.

3.2. Bà Đỗ Thị M1, chết năm 2023

Điều cư trú tại: Đ Khu I, thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.

4. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đỗ Thị M1:

4.1. Bà Bùi Thị T2, sinh năm 1976

4.2. Anh Bùi Xuân N, sinh năm 1985

4.3. Ông Bùi Văn L1, sinh năm 1955

Đều cư trú tại: thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.

4.4. Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Tô A, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

4.5. Ông Bùi Anh V, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Khu đô thị M - T, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Người đại diện theo ủy quyền cho ông Bùi Văn L1, bà Bùi Thị T2, ông Bùi Xuân N, ông Bùi Anh V, bà Nguyễn Thị P là: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tô A, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về nội dung vụ việc:

1.1. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 31/5/2021:

Ngày 31/5/2021, Ngân hàng TMCP V1 (gọi tắt là V2, bên phát hành) và ông Bùi Xuân N (bên đề nghị) đã ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng với nội dung: Hạn mức tín dụng thẻ đề nghị: 150.000.000 đồng; Loại thẻ: MC Platinum Credit; Mục đích: Phục vụ nhu cầu đời sống; Lãi suất: Theo quy định của V2.

Thực hiện đúng cam kết ngày 31/5/2021, Ngân hàng TMCP V1 đã cấp cho ông Bùi Xuân N 01 thẻ tín dụng loại MC Platinum Credit với hạn mức tiêu dùng là 150.000.000 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ tính đến ngày anh N đã sử dụng hết 97.976.830 đồng. Trong thời hạn 45 kể từ ngày sử dụng anh N phải nộp tiền vào thì sẽ không bị tính lãi nhưng sau khi sử dụng số tiền 97.976.830 đồng, anh N đã không nộp số tiền đã sử dụng vào ngân hàng nên ngân hàng đã tính lãi đối với khoản tiền đã sử dụng này, cụ thể: số tiền nợ lãi là 40.415.598 đồng và số tiền lãi chậm trả là 1.428.836 đồng. Tổng cộng, anh N còn nợ ngân hàng V2 là 139.821.264 đồng.

1.2. Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2106013818973 ký ngày 03/06/2021:

Ngày 03/6/2021, Ngân hàng TMCP V1 (gọi tắt là V2, bên cho vay) và ông Bùi Xuân N, bà Nguyễn Thị P (bên vay) có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2106013818973 với nội dung là: Số tiền cho vay: 3.550.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích vay: Vay hạn mức bổ sung vốn kinh doanh SX gỗ; Lãi suất giải ngân: 9%; Lãi suất điều chỉnh: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 3 tháng kể từ ngày 05/6/2021. Hết thời hạn 3 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 05/9/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có TSBĐ dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được Bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm

điều chỉnh cộng biên độ 4.5%; Lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thực hiện đúng theo thỏa thuận của Hợp đồng cho vay hạn mức, ngày 03/6/2021 Ngân hàng TMCP V1 đã giải ngân cho ông Bùi Xuân N, bà Nguyễn Thị P số tiền 3.550.000.000 đồng thể hiện tại khế ước nhận nợ ngày 03/6/2021 giữa ngân hàng V2 và ông N, bà P đã được ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh N đã trả được cho ngân hàng V2 241 đồng tiền nợ gốc và 474.417.984 đồng tiền nợ lãi. Đến ngày 20/6/2023, thì số tiền anh N còn nợ ngân hàng đã chuyển sang nợ lãi quá hạn. Tổng số tiền anh N còn nợ ngân hàng V2 tính đến ngày 24/9/2024 là 5.097.579.436 đồng. Trong đó: số tiền nợ gốc là 3.549.999.759 đồng, số tiền nợ lãi là 1.425.600.548 (bao gồm tiền nợ lãi quá hạn và nợ lãi trong hạn), số tiền lãi chậm trả là 121.979.129 đồng.

1.3. Về hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Bùi Văn L1, bà Đỗ Thị M1 thế chấp khối tài sản của ông, bà cho ngân hàng V2 là Toàn bộ quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 09QH, tờ bản đồ số: "00", địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 621610, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H03549 do UBND huyện M, thành phố Hà Nội cấp ngày 21/08/2008) thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Bùi Văn L1 và bà Đỗ Thị M1 theo hợp đồng thế chấp số công chứng: 2585/2021; quyền số: 02 – 2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 03/06/2021 tại văn phòng C

Ngày 29/12/2023, V2 đã tiến hành bán khoản nợ của ông Bùi Xuân N và bà Nguyễn Thị P sang cho Công ty TNHH MTV M2 (nay là Công ty Cổ phần M2) theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-MARS ngày 29 tháng 12 năm 2023, Hợp đồng mua bán nợ số 02/2023/VPB-MARS ngày 29 tháng 12 năm 2023 và (các) phụ lục đính kèm ký giữa Ngân hàng TMCP V1 (V2) với Công ty M2. Theo đó, V2 đồng ý bán và Công ty M2 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng là ông Bùi Xuân N và bà Nguyễn Thị P, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/văn kiện tín dụng mà ông Bùi Xuân N và bà Nguyễn Thị P đã ký kết với V2

Tổng cộng cả 02 khoản vay, tính đến ngày 24/9/2024 anh Bùi Xuân N, chị Nguyễn Thị P còn nợ Công ty cổ phần M2 số tiền là 5.237.400.700 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 3.647.976.589 đồng, số tiền nợ lãi là 1.466.016.146 đồng (gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn), lãi chậm trả là 123.407.965 đồng.

2/ Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

Ông Bùi Xuân N, bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Mars tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 24/9/2024 là: 5.237.400.700 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 3.647.976.589 đồng, số tiền nợ lãi là

1.466.016.146 đồng (gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn), lãi chậm trả là 123.407.965 đồng. Hai bên thỏa thuận trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội ban hành Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự khi ông Bùi Xuân N, bà Nguyễn Thị P tất toán toàn bộ khoản nợ thì Công ty CP M2 sẽ miễn cho ông N, bà P 350.000.000 đồng tiền lãi. Nếu ông N, bà P vi phạm nghĩa vụ về thời hạn tất toán thì Công ty CP M2 sẽ buộc ông N, bà P phải trả toàn bộ khoản nợ nêu trên.

Ông Bùi Xuân N, bà Nguyễn Thị P còn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng ngày 31/5/2021 và Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2106013818973 ngày 03/6/2021 đã ký kết với ngân hàng V1 kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty M2.

Trong trường hợp ông Bùi Xuân N, bà Nguyễn Thị P không trả được nợ trong thời hạn đã cam kết, Công ty Cổ phần Mars có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm là Toàn bộ quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 09QH, tờ bản đồ số: “00”, địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 621610, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H03549 do UBND huyện M, thành phố Hà Nội cấp ngày 21/08/2008) thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Bùi Văn L1 và bà Đỗ Thị M1 theo hợp đồng thế chấp số công chứng: 2585/2021; quyền số: 02 – 2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 03/06/2021 tại văn phòng C1 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Công ty Cổ phần Mars theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ, ông Bùi Xuân N, bà Nguyễn Thị P vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty M2.

Các khoản tiền ông Bùi Xuân N, bà Nguyễn Thị P thanh toán cho Công ty M2 sẽ được thu vào nợ gốc trước, thu lãi sau.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các bên đương sự thỏa thuận ông Bùi Xuân N, chị Nguyễn Thị P phải chịu toàn bộ là: 56.618.700 (năm mươi sáu triệu sáu trăm mười tám nghìn bảy trăm) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại Công ty Cổ phần Mars 56.377.000 (năm mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8839 ngày 24/7/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

IV. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mê Linh;
- Chi cục THADS huyện Mê Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thịnh Quang T3